

TỜ TRÌNH

Về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025, xã Ia Hnú

Kính gửi:

- Thường trực Đảng ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Hội đồng nhân dân xã khóa XIII, kỳ họp thứ Hai, nhiệm kỳ 2021-2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế,

UBND xã kính trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã khóa XIII, kỳ họp thứ Hai, nhiệm kỳ 2021-2026 xem xét phê duyệt phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025, xã Ia Hnú, cụ thể như sau:

I. Quy định triển khai thực hiện:

- Quyết định số 263/QĐ-TTg, ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg, ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn

đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg, ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Thông tư số 55/2023/TT-BTC, ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

II. Nguyên tắc giao đơn vị thực hiện:

Theo chức năng, nhiệm vụ của các phòng, đơn vị liên quan quy định tại Thông tư số 10/2025/TT-BXD, ngày 14/6/2025 của Bộ Xây dựng; Thông tư số 37/2025/TT-BTC, ngày 14/6/2025 của Bộ Công thương; Thông tư số 19/2025/TT-BTNMT, ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Thông tư số 57/2025/TT-BTC, ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính; Thông tư số 10/2025/TT-BNV, ngày 19/6/2025 của Bộ Nội vụ; Thông tư 20/2025/TT-BYT, ngày 23/6/2025 của Bộ Y tế; Thông tư số 10/2025/TT-BVHTTDL, ngày 19/6/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thông tư số 02/2025/TT-BDĐT, ngày 24/6/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Thông tư số 10/2025/TT-BKHCHN, ngày 27/6/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

III. Tổng kế hoạch vốn phân bổ: 6.307,633 triệu đồng, trong đó: trong đó: ngân sách Trung ương là 5.822,133 triệu đồng, ngân sách xã là 485,5 triệu đồng¹, cụ thể từng chương trình:

- Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 là: 3.512,958 triệu đồng, trong đó: ngân sách Trung ương là 3.261,458 triệu đồng, ngân sách xã là 251,5 triệu đồng;

- Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 là: 2.599 triệu đồng, trong đó: ngân sách Trung ương là 2.365 triệu đồng, ngân sách xã 234 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới là: 195,675 triệu đồng, từ nguồn ngân sách Trung ương.

¹ Đã được Ngân sách cấp huyện bố trí đối ứng theo quy định, được điều chuyển về ngân sách xã tiếp tục thực hiện.

(có Phụ lục I, II, III chi tiết kèm theo)

Trên đây là nội dung Tờ trình của UBND xã về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025, xã Ia Hrú. Ủy ban nhân dân xã kính trình Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã khóa XIII, kỳ họp thứ Hai, nhiệm kỳ 2021-2026 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ban Kinh tế NS - HĐND xã;
- Các vị đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, đơn vị thuộc xã;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Minh Tâm



**PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ
XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025 XÃ IA HRÚ (TRƯỚC SẮP XẾP)**

(Kèm theo Tờ trình số 18/TTr-UBND, ngày 17 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Hru)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025	Trong đó:	
			Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp xã
	TỔNG SỐ (I+II+III+IV+V+VI+VII)	1=2+3	2	3
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	3.512,958	3.261,458	251,500
1	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	205,000	205,000	
	Phòng Văn hóa - Xã hội	160,000	160,000	
2	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	45,000	45,000	
	Phòng Kinh tế	45,000	45,000	
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	941,500	889,300	52,200
1	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	911,500	859,300	52,200
	Phòng Kinh tế	911,500	859,300	52,200
2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	30,000	30,000	
	Phòng Kinh tế	30,000	30,000	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	892,000	837,000	55,000
1	Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư chính sách hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	892,000	837,000	55,000
	Phòng Kinh tế	892,000	837,000	55,000
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	749,158	639,158	110,000
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	343,000	233,000	110,000
	Phòng Văn hóa - Xã hội	343,000	233,000	110,000
2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	98,000	98,000	
	Phòng Văn hóa - Xã hội	98,000	98,000	
3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	230,158	230,158	
	Phòng Văn hóa - Xã hội	230,158	230,158	
4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	78,000	78,000	
	Phòng Văn hóa - Xã hội	78,000	78,000	
V	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	197,000	180,000	17,000
	Hội liên hiệp phụ nữ xã	197,000	180,000	17,000
VI	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	166,000	159,000	7,000
1	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	166,000	159,000	7,000
	Phòng Văn hóa - Xã hội	166,000	159,000	7,000
VII	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	362,300	352,000	10,300
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	349,000	339,000	10,000
	Phòng Văn hóa - Xã hội	349,000	339,000	10,000
2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	13,300	13,000	0,300
	Phòng Văn hóa - Xã hội	13,300	13,000	0,300



PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025 XÃ IA HRU (TRƯỚC SẮP XẾP)

(Kèm theo Tờ trình số 18/TTr-UBND, ngày 17 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Hru)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025	Trong đó	
			Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp xã
		1=2+3	2	3
TỔNG SỐ (I+II+III+IV)		2.599	2.365	234
I	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	1.006	915	91
	<i>Phòng Kinh tế</i>	<i>1.006</i>	<i>915</i>	<i>91</i>
II	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển SX, cải thiện dinh dưỡng	249	226	23
1	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	249	226	23
	<i>Phòng Kinh tế</i>	<i>249</i>	<i>226</i>	<i>23</i>
III	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1.202	1.094	108
1	TDA1: Phát triển giáo dục vùng nghèo, vùng khó khăn	800	728	72
	<i>Phòng Văn hóa - Xã hội</i>			
2	TDA3: Hỗ trợ việc làm bền vững	402	366	36
	<i>Phòng Văn hóa - Xã hội</i>			
IV	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	142	130	12
1	Tiêu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình	79	72	7
	<i>Phòng Kinh tế</i>	<i>79</i>	<i>72</i>	<i>7</i>
2	Tiêu Dự án 2: Giám sát, đánh giá	63	58	5
	<i>Phòng Kinh tế</i>	<i>63</i>	<i>58</i>	<i>5</i>



PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025 XÃ IA HRU (TRƯỚC SẮP XẾP)

(Kèm theo Tờ trình số 18/TTr-UBND, ngày 17 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Hri)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025	Trong đó:	
			Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp xã
		1=(2+3)	2,000	3
	TỔNG SỐ (I+II+III)	195,675	195,675	
I	Nội dung thành phần số 03: Triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn...	78,400	78,400	
	Phòng Kinh tế	78,400	78,400	
II	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	85,300	85,300	
	Phòng Văn hóa - Xã hội	85,300	85,300	
III	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng Nông thôn mới; truyền thông về xây dựng Nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới	31,975	31,975	
	Phòng Kinh tế	31,975	31,975	

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025, xã Ia Hnú

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ IA HRÚ
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ HAI, NHIỆM KỲ 2021-2026**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Xét Tờ trình số 18/TTr-UBND, ngày 17/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Hnú về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025, xã Ia Hnú; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thống nhất phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025, xã Ia Hnú, với các nội dung sau:

Tổng kế hoạch vốn phân bổ: 6.307,633 triệu đồng, trong đó: trong đó: ngân sách Trung ương là 5.822,133 triệu đồng, ngân sách xã là 485,5 triệu đồng¹, cụ thể từng chương trình:

- Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 là: 3.512,958 triệu đồng, trong đó: ngân sách Trung ương là 3.261,458 triệu đồng, ngân sách xã là 251,5 triệu đồng;

- Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 là: 2.599 triệu đồng, trong đó: ngân sách Trung ương là 2.365 triệu đồng, ngân sách xã 234 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới là: 195,675 triệu đồng, từ nguồn ngân sách Trung ương.

¹ Đã được Ngân sách cấp huyện bố trí đối ứng theo quy định, được điều chuyển về ngân sách xã tiếp tục thực hiện.

(có Phụ lục I, II, III chi tiết kèm theo)

Điều 2. Điều khoản thi hành

Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khóa XIII, kỳ họp thứ Hai, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua ngày tháng năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp & MT;
- Sở Dân tộc Tôn giáo;
- Thường trực Đảng ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- UBNDTTQ xã;
- Các phòng, đơn vị tại xã;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh tại xã;
- Các vị Đại biểu HĐND xã khóa XIII;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT, KT.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Lân

PHỤ LỤC I

**PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ
XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025 XÃ IA HRÚ (TRƯỚC SẮP XẾP)**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Hrú)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025	Trong đó:	
			Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp xã
		1=2+3	2	3
	TỔNG SỐ (I+II+III+IV+V+VI+VII)	3.512,958	3.261,458	251,500
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	205,000	205,000	
1	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	160,000	160,000	
	Phòng Văn hóa - Xã hội	160,000	160,000	
2	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	45,000	45,000	
	Phòng Kinh tế	45,000	45,000	
II	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	941,500	889,300	52,200
1	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	911,500	859,300	52,200
	Phòng Kinh tế	911,500	859,300	52,200
2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	30,000	30,000	
	Phòng Kinh tế	30,000	30,000	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	892,000	837,000	55,000
1	Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư chính sách hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	892,000	837,000	55,000
	Phòng Kinh tế	892,000	837,000	55,000
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	749,158	639,158	110,000
1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	343,000	233,000	110,000
	Phòng Văn hóa - Xã hội	343,000	233,000	110,000
2	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	98,000	98,000	
	Phòng Văn hóa - Xã hội	98,000	98,000	
3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	230,158	230,158	
	Phòng Văn hóa - Xã hội	230,158	230,158	
4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	78,000	78,000	
	Phòng Văn hóa - Xã hội	78,000	78,000	
V	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	197,000	180,000	17,000
	Hội liên hiệp phụ nữ xã	197,000	180,000	17,000
VI	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù	166,000	159,000	7,000
1	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	166,000	159,000	7,000
	Phòng Văn hóa - Xã hội	166,000	159,000	7,000
VII	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	362,300	352,000	10,300
1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	349,000	339,000	10,000
	Phòng Văn hóa - Xã hội	349,000	339,000	10,000
2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	13,300	13,000	0,300
	Phòng Văn hóa - Xã hội	13,300	13,000	0,300

PHỤ LỤC II

PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025 XÃ IA HRÚ (TRƯỚC SẮP XẾP)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Hrú)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025	Trong đó	
			Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp xã
		1=2+3	2	3
TỔNG SỐ (I+II+III+IV)		2.599	2.365	234
I	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	1.006	915	91
	<i>Phòng Kinh tế</i>	<i>1.006</i>	<i>915</i>	<i>91</i>
II	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển SX, cải thiện dinh dưỡng	249	226	23
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	249	226	23
	<i>Phòng Kinh tế</i>	<i>249</i>	<i>226</i>	<i>23</i>
III	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1.202	1.094	108
1	TDA1: Phát triển giáo dục vùng nghèo, vùng khó khăn	800	728	72
	<i>Phòng Văn hóa - Xã hội</i>			
2	TDA3: Hỗ trợ việc làm bền vững	402	366	36
	<i>Phòng Văn hóa - Xã hội</i>			
IV	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	142	130	12
1	Tiểu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình	79	72	7
	<i>Phòng Kinh tế</i>	<i>79</i>	<i>72</i>	<i>7</i>
2	Tiểu Dự án 2: Giám sát, đánh giá	63	58	5
	<i>Phòng Kinh tế</i>	<i>63</i>	<i>58</i>	<i>5</i>

PHỤ LỤC III

PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025 XÃ IA HRÚ (TRƯỚC SẮP XẾP)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Ia Hnú)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025	Trong đó:	
			Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp xã
		1=(2+3)	2,000	3
	TỔNG SỐ (I+II+III)	195,675	195,675	
I	Nội dung thành phần số 03: Triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn...	78,400	78,400	
	<i>Phòng Kinh tế</i>	78,400	78,400	
II	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	85,300	85,300	
	<i>Phòng Văn hóa - Xã hội</i>	85,300	85,300	
III	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng Nông thôn mới; truyền thông về xây dựng Nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới	31,975	31,975	
	<i>Phòng Kinh tế</i>	31,975	31,975	